

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27-11-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi

con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và bà Trần Thị Yến Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 444/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh K, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Chị A, sinh năm 1998

Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 8 năm 2023 và lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị A tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71 ngày 13/10/2016.

Cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng không còn tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cự cãi, xung đột lẫn nhau dẫn đến không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau. Anh đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thay đổi. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị A.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đức T1, sinh ngày 15/02/2016 và Nguyễn Đức M, sinh ngày 16/10/2017. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu M và đồng ý giao cháu T1 cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh đồng ý cấp dưỡng cho cháu T1 số tiền cấp dưỡng hàng tháng, mỗi tháng là 10.000.000 đồng, anh không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi cháu M.

- Về tài sản: Không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/10/2023 bị đơn bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh K tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71 ngày 13/10/2016.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng không còn tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cự cãi, xung đột lẫn nhau dẫn đến không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau. Chị cũng đã cố gắng tìm mọi biện pháp để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng mâu thuẫn vẫn không thay đổi. Nay anh K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị thì chị đồng ý ly hôn với anh K.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đức T1, sinh ngày 15/02/2016 và Nguyễn Đức M, sinh ngày 16/10/2017. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T1 và đồng ý giao cháu M cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị yêu cầu anh K cấp dưỡng cho cháu T1 hàng tháng, mỗi tháng là 10.000.000 đồng, chị không cấp dưỡng nuôi con cho anh K.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết nguyên đơn đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ gồm: Đơn khởi kiện, chứng minh nhân dân (Bản sao), Giấy khai sinh (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính). Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ trên cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ: Bản tự khai của nguyên đơn, đơn đề nghị Tòa án hỗ trợ sao gửi tài liệu, chứng cứ và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn; Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của anh K. Về hôn nhân: Cho anh K được ly hôn với chị A. Về con chung: Giao cho Anh K trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Đức M, sinh ngày 16/10/2017. Giao cho chị A trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Đức T1, sinh ngày 15/02/2016. Anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 10.000.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 12/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nuôi sống bản thân. Tạm thời chị A không phải cấp dưỡng nuôi dưỡng cho con.

- Về tài sản: Anh K và chị A khai vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí: Anh K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Chị A có nơi cư trú tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Anh K khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với chị A. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách đương sự anh K là nguyên đơn và chị A là bị đơn, được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Nguyên đơn có mặt tại phiên hòa giải, bị đơn triệu tập hợp lệ vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1, Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các đương sự có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 13/10/2016. Như vậy, hôn nhân của anh K, chị A là hợp pháp.

Trên cơ sở lời khai của các đương sự thể hiện: Anh K yêu cầu ly hôn với lý do vợ chồng không còn tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cự cãi, xung đột lẫn nhau. Chị A cũng thừa nhận cuộc sống chung vợ chồng có xảy ra

mâu thuẫn không thể hàn gắn. Nay anh K yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh K được ly hôn với chị A thì chị A cũng đồng ý ly hôn với anh K.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, anh K và chị A không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

[2.2]. Về nuôi con: Anh K và chị A trình bày có 02 (Hai) con chung là Nguyễn Đức T1, sinh ngày 15/02/2016 và Nguyễn Đức M, sinh ngày 16/10/2017. Khi ly hôn anh K và chị A thỏa thuận giao cháu M cho anh K nuôi dưỡng và giao cháu T1 cho chị A nuôi dưỡng.

Anh K và chị A thỏa thuận khi ly hôn thì giao cháu M cho anh K nuôi dưỡng và giao cháu T1 cho chị A nuôi dưỡng. Xét thấy, sự thỏa thuận về người nuôi con chung cho con của các đương sự không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của cháu T1 nên có cơ sở để ghi nhận, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định giao cháu M cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu T1 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng cho con: Anh K tự nguyện cấp dưỡng cho cháu T1 số tiền cấp dưỡng hàng tháng, mỗi tháng là 10.000.000 đồng, anh K không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi cháu M nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng cho con của anh K, tạm thời chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản: Anh K và chị A trình bày không có về tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh K phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng cho con.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh K.

- Về hôn nhân: Cho anh K được ly hôn với chị A.

- Về nuôi con: Giao cho anh K trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Đức M, sinh ngày 16/10/2017.

Giao cho chị A trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Đức T1, sinh ngày 15/02/2016.

Anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 10.000.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 12/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nuôi sống bản thân. Tạm thời chị A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh K, chị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng không xem xét.

2. Về án phí: Anh K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng cho con. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh K đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001327 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí. Anh K còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng cho con.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã P (Số 71, ngày 13/10/2016) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Đại